

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013

---*-*-*---

Tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
5. Định hướng phát triển

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
3. Các Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700683163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 29/12/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/06/2012
- Vốn điều lệ : **40.400.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **40.400.000.000** đồng
- Địa chỉ: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: 0650.3553326
- Số Fax: 0650.3553327
- Website: www.becamexpharm.vn
- Mã cổ phiếu: BCP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Dược BECAMEX là Công ty Dược Phẩm Tỉnh Sông Bé, được thành lập từ sau ngày miền nam hoàn toàn giải phóng như một đơn vị kinh doanh nhằm phục vụ nhu cầu thuốc chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh lúc bấy giờ. Cơ sở vật chất của công ty được tiếp quản từ các cơ sở cũ, chuyên sản xuất các mặt hàng thuốc dùng ngoài với quy mô nhỏ.
- Vào đầu năm 1991, Bộ Y Tế đã hướng dẫn sắp xếp lại hệ thống y tế địa phương, trong đó đã có những hướng dẫn việc chuyển các Công ty dược cấp huyện, thị trực thuộc công ty, xí nghiệp cấp tỉnh. Năm 1992, Nghị định 338/HDBT ban hành quy chế thành lập và giải thể Doanh nghiệp nhà nước, căn cứ vào nghị định này UBND tỉnh Sông Bé ký quyết định số: 25 và số 26/QĐUB ngày 23/03/1991 với nội dung giải thể các công ty Dược cấp III huyện, thị và nhập thành Công ty Dược phẩm tỉnh Sông Bé hình thành 1 công ty dược duy nhất tại tỉnh.
- Song song với việc thay đổi cơ cấu tổ chức, với chủ trương đăng ký lại doanh nghiệp trong tổng thể toàn xã hội, UBND tỉnh Sông Bé đã ký giấy phép số 132 ngày 14/11/1992 và giấy phép kinh doanh số 103734 ngày 08/12/1992 chính thức thành lập công ty Dược với tên gọi là Công ty Dược Vật Tư Y Tế Bình Dương.
- Ngày 10 tháng 11 năm 2004, UBND tỉnh Bình Dương ra quyết định số 155/2004/QĐ-UB về việc sáp nhập Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương vào Công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp (Becamex IDC) và quyết định số 30/QĐUB ngày 07 tháng 01 năm 2005 về việc thành lập Công ty Dược và Vật tư y tế Bình Dương trực thuộc công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp (Becamex IDC)
- Ngày 29 tháng 12 năm 2005 Công ty chính thức chuyển thể thành Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty CP Dược và vật tư y tế Bình Dương theo giấy CNDKKD số 4603000202 ngày 29 tháng 12 năm 2005 với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Với chức năng sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, kinh doanh mỹ phẩm.

Đầu năm 2007, được đầu tư xây dựng và chính thức đi vào hoạt động sản xuất tháng 8/2009, Công ty Cổ phần Dược Becamex được thành lập trên cơ sở tiếp quản từ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương trước đây. Chuyển đổi môi trường hoạt động với đơn

vị chủ quản đầu tư trực tiếp là Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp TNHH – MTV Becamex IDC. Nhà máy Công ty Cổ phần Dược Becamex với tổng vốn đầu tư lên đến hơn 100 tỷ đồng. Đây là nhà máy Dược phẩm được đầu tư **đạt chuẩn GMP – Chuẩn về thực hành sản xuất thuốc tốt theo tiêu chuẩn của tổ chức y tế thế giới**. Với quy trình sản xuất khép kín trong điều kiện vệ sinh tuyệt đối, nhà máy luôn đảm bảo được 100% chất lượng và mức độ an toàn của sản phẩm thuốc.

Nhà máy dược phẩm Công ty Cổ phần Dược Becamex được xây dựng theo tiêu chuẩn ngành. Từ chất liệu xây dựng đến hệ thống điều hòa không khí và các thiết bị sản xuất đều phải đạt tiêu chuẩn về vệ sinh theo tiêu chuẩn cấp sạch theo tiêu chuẩn của tổ chức Y tế thế giới.

Nhà máy Dược được thành lập và đi vào hoạt động cho thấy một chiến lược đầu tư phù hợp của Becamex IDC nhằm xây dựng một mô hình Tổng Công ty đa ngành toàn diện cùng với việc nâng cao năng lực hoạt động các lĩnh vực đầu tư truyền thống. Việc thực hiện đầy mạnh các dự án an sinh xã hội như y tế, giáo dục đã cho thấy Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH – MTV Becamex IDC đang hướng đến mục tiêu xây dựng một mô hình công nghiệp - dịch vụ - đô thị bền vững phục vụ tốt nhu cầu phát triển của một thành phố mới Bình Dương trong tương lai.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế;
- Mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm, hóa chất (không thuộc danh mục cấm), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

b. Phạm vi hoạt động:

Công ty có tổ chức hệ thống phân phối và quầy thuốc bán lẻ tại các huyện thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương chiếm trên 30% doanh thu năm 2013 mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty.

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty;
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật và Điều lệ nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các Cổ động.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị tại Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chuyên môn.

Đại hội đồng cổ đông, đại diện cho các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo, đề ra chiến lược và giám sát Ban Tổng Giám đốc để hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc điều hành những hoạt động hằng ngày như thực hiện chiến lược ĐHCĐ và HĐQT đề ra, lên kế hoạch kinh doanh, quản trị nhân sự, xây dựng các chiến lược kinh doanh và quản lý tài sản.

- **Ban Tổng giám đốc:** Ban tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng giám đốc hiện có 02 thành viên.
- **Phòng tổ chức - nhân sự:** Có chức năng tham mưu cho giám đốc về bộ máy sản xuất kinh doanh, và bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của công ty, quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên, quản lý lao động tiền lương, xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ, đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy.
- **Phòng nghiệp vụ kinh doanh:** Có chức năng tham mưu cho ban giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, tham mưu cho ban giám đốc trong việc ký kết hợp đồng mua bán giữa các khách hàng và công ty, kiểm soát và quản lý quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế đã được ban giám đốc phê duyệt và xây dựng kế hoạch cung ứng nguyên phụ liệu hàng hóa phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- **Phòng kế toán tài chính:** Có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, tổ chức bộ máy kế toán thực hiện quản lý nguồn vốn, tài sản, thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, nghiệp vụ ngân hàng, lập báo cáo quyết toán hàng quý, năm và quyết toán đầu tư.
- **Nhà máy sản xuất dược phẩm:** trực thuộc Công ty Cổ Phần Dược Becamex có các phòng chức năng, xưởng sản xuất thực phẩm chức năng và xưởng sản xuất GMP-WHO. Nonbeta lactam đạt tiêu chuẩn GMP - WHO
- Các phòng ban và xưởng chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc, có quyền và chịu trách nhiệm sản xuất theo đúng tiêu chuẩn GMP-WHO và cung cấp kịp thời, đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh.

- **Hệ thống phân phối trực thuộc công ty:** Hệ thống phân phối của công ty được quản lý theo hệ thống chiều dọc và trực thuộc phòng kế hoạch - kinh doanh. Hiện tại công ty có trên 150 quầy thuốc bán lẻ.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Ổn định và từng bước phát triển tình hình sản xuất, tổ chức tốt quá trình sản xuất những mặt hàng đã được Bộ y tế - Cục quản lý dược cấp phép đăng ký.
- Tiếp tục nghiên cứu thị trường, để đăng ký sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất cả về chủng loại và số lượng mặt hàng.
- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị sản xuất để nâng cao năng lực sản xuất.
- Có kế hoạch xây dựng dần các chi nhánh ngoài tỉnh để tìm thị trường cho sản phẩm sản xuất.
- Xây dựng đội ngũ marketing có trình độ và chuyên nghiệp, đầu tư quảng bá dần từng mặt hàng, nhóm hàng đến người phân phối và người tiêu dùng.
- Tiếp tục giữ vững ổn định mạng lưới bán lẻ trong toàn tỉnh và khai thác bán hàng ở các hệ thống cơ quan, trường học và nhất là hệ thống điều trị.
- Kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, xây dựng một hệ thống quản trị tài chính chuyên nghiệp, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ có chi phí thấp.
- Báo cáo tài chính kịp thời, minh bạch và công khai.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung xây dựng cơ chế quản lý thông thoáng, quản lý tài chính công khai, rõ ràng và minh bạch, tạo môi trường làm việc thân thiện, ban hành các chính sách an sinh nhằm giữ và thu hút người hiền tài để từng bước xây dựng bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động và hiệu quả.
- Rà soát, sửa đổi và ban hành lại một số qui trình làm việc, xây dựng văn hóa mọi người trong Công Ty phải tuân thủ qui trình, lấy qui trình làm việc làm công cụ cho việc quản lý và điều hành của Công Ty.
- Phải khai thác, sử dụng có hiệu quả các lợi thế, nguồn lực mà Công Ty hiện có và tranh thủ sự ủng hộ của công ty mẹ để nâng cao uy tín và vị thế của Cty Dược trên thị trường.
- Tập trung đầu tư nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu để đưa vào sản xuất các sản phẩm mới có chất lượng cao, giá cả phù hợp.
- Mở rộng quan hệ hợp tác sản xuất-kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước, tìm kiếm, đàm phán việc hợp tác sản xuất, sản xuất nhượng quyền với một số công ty nước ngoài có uy tín
- Triển khai hoạt động nhập khẩu trực tiếp thuốc thành phẩm để kinh doanh.
- Đầu tư bổ sung dây chuyền sản xuất thuốc gói, trang bị bổ sung máy dập viên, máy đóng nang, máy ép vỉ, để tăng nhanh sản lượng hàng sản xuất
- Huấn luyện, xây dựng đội ngũ marketing, đẩy mạnh bán hàng công ty sản xuất, thiết lập mạng lưới phân phối ở các tỉnh thành trong cả nước

- Đào tạo và bổ sung đội ngũ chuyên môn nhằm đáp ứng nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của công ty

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đối với môi trường: Các sản phẩm của Công ty luôn đáp ứng về chất lượng và đặc biệt luôn tuân thủ các quy định về sản xuất dược phẩm GMP-WHO.

Đối với xã hội và cộng đồng: Với truyền thống tương thân tương ái, Công ty Dược Becamex luôn chú trọng đến các hoạt động xã hội nhằm chia sẻ gánh nặng, khó khăn với cộng đồng thông qua các chương trình từ thiện.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2012	KH 2013	Năm 2013	2013/2012	TH/KH
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	150,494,443,521	120,000,000,000	87,931,390,387	58%	73%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5,072,632,700	164,000,000	367,469,068	7%	224%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	145,421,810,821	119,836,000,000	87,563,921,319	60%	73%
4	Giá vốn hàng bán	114,261,015,632	98,650,000,000	64,639,071,787	57%	66%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	76,274,840	18,000,000	17,599,934	23%	98%
7	Chi phí tài chính	2,783,946,009	1,650,000,000	1,399,559,050	50%	85%
	Trong đó: chi phí lãi vay	2,644,803,824	1,600,000,000	1,386,787,450	52%	87%
8	Chi phí bán hàng	5,599,431,003	5,900,000,000	4,639,138,705	83%	79%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,256,466,646	8,410,000,000	9,899,467,897	120%	118%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,597,226,371	5,244,000,000	7,004,283,814	48%	134%
13	Lợi nhuận khác	596,506,809	(44,000,000)	251,611,025	42%	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15,193,733,180	5,200,000,000	7,255,894,839	48%	140%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,239,093,501	700,000,000	3,896,508,976	62%	557%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1,630,211,709		348,719,327	21%	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,324,427,970	4,500,000,000	3,010,666,536	41%	67%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,813	1,119	749	41%	67%

2. Tổ chức và nhân sự Danh sách Ban điều hành:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Ông Trần Thanh Nhường	Tổng Giám Đốc	1960	024448430, cấp ngày 03/11/2005 Nơi cấp: CA. TPHCM

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Ông Lê Trung Hiếu	Phó TGD tài chính	1958	280344834, cấp ngày 03/07/1997 Nơi cấp CA Bình Dương
Bà Nguyễn Thị Bích Sơn	Kế toán trưởng	1977	023158042, cấp ngày 05/12/2011. Nơi cấp: CA. TPHCM

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần:

Tổng Giám đốc

Họ và tên	TRẦN THANH NHƯỜNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/06/1960
Nơi sinh	Tiền Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	024448430
Quê quán	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	323 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	0650 3553326
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học, CEO Đại học Kinh tế TP.HCM
Quá trình công tác	✓ Năm 1988 - 1992, công tác tại Bệnh viện Cai Lậy, Tiền Giang. Đi học chuyên khoa Sinh hóa – Xét nghiệm tại Tp. Hồ Chí Minh. ✓ Năm 1992 - 1999, công tác tại công ty Vật tư Y tế tỉnh Sông Bé. ✓ Năm 1999 - 2003, công tác tại Bệnh viện Thuận An, Bình Dương. ✓ Năm 2003 - 2007, công tác tại công ty Xuất nhập khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh.

	✓ Năm 2007 – 10/2012, làm Giám đốc công ty tư nhân Tháng 10/2012 về làm công ty Becamex Pharma
Chức vụ hiện nay	✓ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	0 cổ phần

Phó Tổng Giám đốc tài chính:

Họ và tên	LÊ TRUNG HIẾU
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/12/1958
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	280344834 cấp ngày 03/07/1997 nơi cấp CA Bình Dương
Quê quán	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	Khu 5, Phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650 3553326
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	✓ Từ năm 1981->1990: Nhân viên phòng kế toán Công ty Dược Vật tư y tế Bình Dương ✓ Từ 1990-1997 : Phó phòng kế toán Công ty Dược Vật tư y tế Bình Dương ✓ Từ 1997 đến 6/2012: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược Becamex ✓ Từ 06/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Dược Becamex
Chức vụ hiện nay	✓ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Becamex

Số cổ phần đang nắm giữ	0 cổ phần
-------------------------	------------------

Kế toán trưởng

Họ và tên	NGUYỄN THỊ BÍCH SƠN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	26/09/1977
Nơi sinh	Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	023158042 cấp ngày 05/12/2011 nơi cấp CA.TPHCM
Quê quán	Hóc Môn – TPHCM
Địa chỉ thường trú	153/2 Khu phố 2, phường Thới An, quận 12, TPHCM
Điện thoại cơ quan	0650 3553326
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	✓ Từ năm 1999 -> 2002: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH SX TM DV Trần Đức ✓ Từ 2002 -> 2008 : Kế toán trưởng Công ty Liên doanh đồ gỗ Toàn Cầu ✓ Từ 2008 -> 6/2012: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước ✓ Từ 6/2012 đến nay: + Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước + Kế toán trưởng Công ty cổ phần dược Becamex
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	0 cổ phần

Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty đến thời điểm 31/12/2013 là 264 người.

Năm 2013 và kế hoạch 2014, Công ty tập trung cho công tác hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh giản, sắp xếp lại lao động phù hợp với yêu cầu chuyên môn nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí quản lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh. Công ty cũng xác định nhân lực là nguồn lực quan trọng của Công ty. Vì thế, Công ty cũng chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty tập trung sử dụng và khai thác có hiệu quả các nguồn lực hiện có, do đó chưa triển khai đầu tư ra bên ngoài.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	201,592,891,091	235,550,659,051	16.84%
Doanh thu thuần	145,421,810,821	87,931,390,387	-39.53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31,160,795,189	22,924,849,532	-26.43%
Lợi nhuận khác	596,506,809	251,611,025	-57.82%
Lợi nhuận trước thuế	15,193,733,180	7,255,894,839	-52.24%
Lợi nhuận sau thuế	7,324,427,970	3,010,666,536	-58.90%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	5 %	7 %	40%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.97	1.02	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.77	0.84	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		-	
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.75	0.78	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	2.95	3.54	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		-	
+ Vòng quay hàng tồn kho	3.52	2.11	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.72	0.37	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		-	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0.05	0.03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0.14	0.06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.04	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT thuần	0.1	0.08	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	4.040.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	4.040.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.020.400
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	4.020.400
Số lượng cổ phiếu quỹ	19.600

b. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông			Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ (%)		
	Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng
Trong nước	296	06	302	1.1.257.500	2.765.000	4.022.500	31,13%	68,44%	99,57%
Nước ngoài	01		01	17.500		17.500	0,43%		0,43%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1% cổ phiếu BCP:

Cổ đông	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV	3700145020	3/6/2010	Việt Nam	2,060,400	51%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	Công ty CP Chứng Khoán Đệ Nhất	04/GCNTVLK	07/07/2006	Việt Nam	367.000	9,08%
	Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	370013826	02/10/2012	Việt Nam	100.000	2,48%
	Công ty CP Dược Hậu Giang	5703000111	13/01/2005	Việt Nam	182.600	4,52%
	Huỳnh Quế Hà			Việt Nam	150.000	3,71%

	Phạm Quốc Quân			Việt Nam	45.800	1,13%
	Huỳnh Thị Nga			Việt Nam	45.300	1,12%

Trong năm 2013, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi, không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ, không phát hành chứng khoán khác.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	TH NĂM 2013 (Tỷ đồng)	SO VỚI KH (%)	SO VỚI TH 2012 (%)
Tổng Doanh thu	87,93	73 %	58 %
Lợi nhuận trước thuế	7,25	140%	48 %
Lợi nhuận sau thuế	3,01	67%	41 %

Trong năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực để đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận như trên

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Năm 2013, số vòng quay tổng tài sản là 0.4, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản còn thấp. Về khoản phải thu của Công ty liên quan đến các Công ty, bệnh viện là chủ yếu, nên thời gian thu hồi công nợ thường rất chậm. Tuy nhiên, Công ty cũng đã thành lập Tổ thu hồi công nợ thường xuyên đôn đốc và nhắc nhở thu hồi công nợ.

b. Tình hình nợ phải trả

Hệ số nợ trên tổng tài sản là 78%. Đây là nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong năm vừa qua và Ban Tổ g Giám đốc cũng tin tưởng rằng Công ty sẽ ngày càng vượt qua giai đoạn khó khăn này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Cơ cấu tổ chức :

Rà soát, sắp xếp lại toàn bộ nhân sự của công ty cho gọn, nhẹ nhằm tăng năng suất lao động. Lập các tổ : mua hàng để tìm được nguồn hàng có giá cả tốt nhất, tổ chăm sóc khách hàng để phát triển doanh thu. Lập Hội đồng khoa học kỹ thuật để phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất.

+ Chính sách :

- Thu hút nhân sự giỏi, có kinh nghiệm, chính sách tiền lương thỏa đáng đối với người lao động làm việc mang lại hiệu quả cao, loại trừ những cá nhân làm việc mong hết giờ để hưởng lương, năng suất lao động thấp.
- Mời gọi đối tác liên doanh, sản xuất gia công sản phẩm, hợp tác bao tiêu sản phẩm do Công ty sản xuất

- Nghiên cứu, phát triển dòng sản phẩm thực phẩm chức năng
- + **Quản lý :**
- Tăng cường quản lý chi phí phát sinh, quản lý bán hàng, chú trọng công tác thu hồi công nợ, giảm thiểu nợ dài hạn để đạt được hiệu quả trong kinh doanh

4.Kế hoạch phát triển trong tương lai

a) Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

CHỈ TIÊU	KH NĂM 2014 (Tỷ đồng)	SỐ VỚI TH năm 2013 (%)
Tổng Doanh thu	91.013	104 %
Lợi nhuận trước thuế	7.881	108 %
Lợi nhuận sau thuế	3.626	120 %

b) Một số hoạt động chủ yếu trong năm 2013 :

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị thực hiện một số các hoạt động có nội dung của HĐQT như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013
- Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Vietnam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty Cổ Phần Dược Becamex và tiến hành các hoạt động kiểm toán.
- Tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã cùng với ban Tổng Giám Đốc thực hiện một số công việc như sau:
 - o Thiết lập lại bộ máy quản lý công khai minh bạch, đã tương đối đi vào hệ thống nhưng vẫn có rất nhiều bất cập cần phải mạnh mẽ, quyết liệt và khẩn trương hơn nữa.
 - o Rà soát các qui trình quản lý của từng bộ phận, chỉ đạo sửa đổi và ban hành một số qui trình cho sát với mục tiêu quản lý và công việc hơn.
 - o Phân công, phân nhiệm cho từng phòng ban, bộ phận, từng cán bộ quản lý chủ chốt của các phòng ban để họ xác lập được chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm nhằm xây mối quan hệ, phối hợp công việc phối hợp trong nội bộ nhanh chóng và hiệu quả.
 - o Sử dụng, tuyển dụng và bổ nhiệm một số cán bộ có trình độ chuyên môn.
 - o Duy trì và đã tổ chức đánh giá lại hệ thống **đạt chuẩn thực hành sản xuất thuốc tốt (GMP) và được cục quản lý Dược cấp giấy chứng nhận có thời hạn đến năm 2017.**
 - o Chỉ đạo tục xây dựng hệ thống các quây thuốc trực thuộc Công ty đạt tiêu chuẩn GPP, tính đến nay đã có 190 quây thuốc đạt tiêu chuẩn GPP

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- + Về sản xuất : Nhìn chung sản lượng sản xuất của công ty trong năm 2013 còn thấp, nhà máy chưa hoạt động hết công suất, công nhân làm việc một tuần chỉ có 5 ngày, chưa phải tăng ca. Chủng loại sản phẩm của công ty chưa đa dạng
- + Về kinh doanh : Trong năm 2013 doanh số bán hàng chưa cao. Doanh số hàng đạt được trong năm chiếm tỉ lệ lớn là thị trường trong tỉnh Bình Dương

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

a. Về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2013	THỰC HIỆN 2013	SỐ SÁNH TH/KH 2013
Doanh thu	120 tỷ	87,93 tỷ	73%
Lợi nhuận sau thuế	4,5 tỷ	3,01 tỷ	67%

Trong năm 2013 Ban Tổng Giám Đốc đã tổ chức và điều hành chưa đạt được chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận do đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 phê duyệt. Chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của Khách Hàng và Hội Đồng Quản Trị, vì vậy trong năm 2014 HĐQT và ban Điều Hành của Công Ty cần nỗ lực nhiều hơn nữa.

b. Về tổ chức và điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày:

- Trong năm 2013 các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc công ty cơ bản tuân theo điều lệ của Công ty, luật Doanh Nghiệp, luật Dược và các quy định của pháp luật hiện hành. Trong năm 2013, Công ty Mẹ đã ban hành qui chế người đại diện vốn số 01/2013/QĐ-HĐTV, ngày 20/02/2013. Ban điều hành tuân thủ tuyệt đối quy chế này.
- Bên cạnh những kết quả đạt được còn có những điểm hạn chế nhất định như chưa kiểm soát được hệ thống qui trình làm việc, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ.

3. Phương hướng hoạt động năm 2014 :

Năm 2014, dự đoán tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn, doanh nghiệp hoạt động sản xuất trong nước vẫn tiếp tục chịu nhiều cạnh tranh với các doanh nghiệp dược phẩm nước ngoài. Trong bối cảnh này, Hội đồng quản trị xác định định hướng hoạt động chủ yếu của Công ty trong năm 2014 như sau :

- Thực hiện các công việc mà đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã phê duyệt. Và thực hiện một số công việc theo định hướng như sau:

- Chất lượng nguồn nhân lực là chìa khóa, **phải đặt Con Người trước Con Số**. Vì vậy, trong năm 2014, Công Ty tiếp tục tập trung xây dựng và ban hành chính sách tiền lương, tiền thưởng, đào tạo, đãi ngộ hợp lý và tạo môi trường làm việc thân thiện nhằm để giữ và thu hút Người Tài.
- Tập trung xây dựng cơ chế quản lý thông thoáng, quản lý tài chính công khai, rõ ràng và minh bạch, xây dựng bộ máy quản lý điều hành gọn nhẹ, năng động và hiệu quả.
- Tăng cường và nâng cao hiệu quả của việc quản lý nội bộ bằng cách rà soát, sửa đổi và ban hành lại một số qui trình làm việc, mọi người trong Công Ty phải có trách nhiệm tuân thủ qui trình, lấy qui trình làm công cụ cho việc quản lý và điều hành của Công Ty.
- * Về sản xuất:
 - + Rà soát lại số đăng ký đã được cấp, đa dạng hóa mặt hàng sản xuất theo nhu cầu kinh doanh.
 - + Tái đăng ký lại các sản phẩm đã hết hạn số đăng ký.
 - + Đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất để có được giá thành sản phẩm tốt nhất, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.
 - + Tăng cường công tác nghiên cứu phát triển để tạo thêm những sản phẩm mới. Phát triển dòng sản phẩm thực phẩm chức năng.
 - + Tìm đối tác liên doanh; nhượng quyền sản xuất.
- * Về kinh doanh:
 - + củng cố và phát triển phòng kinh doanh, kiện toàn mạng lưới buôn hàng trong tỉnh, đặc biệt khai thác có hiệu quả các quầy thuốc là cơ sở vật chất của Công ty; đồng thời mở rộng mạng lưới buôn hàng ngoài tỉnh nhiều hơn.
 - + Tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng doanh số bán hàng.
 - + Chú trọng công tác đầu thầu, bán hàng vào Bệnh viện.
 - + Tiếp tục phát triển thị trường trong nước, tìm kiếm khách hàng xuất khẩu.
 - + Nhập khẩu trực tiếp một số thuốc thành phẩm để kinh doanh, nhập khẩu ủy thác thuốc cho các công ty khác.
- Tập trung xây dựng cơ chế quản lý thông thoáng, quản lý tài chính công khai, rõ ràng và minh bạch, tạo môi trường làm việc thân thiện, ban hành các chính sách an sinh nhằm giữ và thu hút người hiền tài để từng bước xây dựng bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động và hiệu quả.
- Rà soát, sửa đổi và ban hành lại một số qui trình làm việc, xây dựng văn hóa mọi người trong Công Ty phải tuân thủ qui trình, lấy qui trình làm việc làm công cụ cho việc quản lý và điều hành của Công Ty.
- **Về sản xuất :**
 - + Chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn, vì vậy năm 2014 và những năm tiếp theo Công Ty ưu tiên cho công tác nghiên cứu và phát triển
 - + Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất để có được giá thành sản phẩm tốt nhất, đủ sức cạnh tranh trên thị trường
 - + Phát triển dòng sản phẩm thực phẩm chức năng
 - + Tìm đối tác liên doanh; nhượng quyền sản xuất

- Về kinh doanh :

- + Củng cố hệ thống bán hàng của công ty, tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng doanh số bán hàng
- + Chú trọng công tác đấu thầu, bán hàng vào bệnh viện
- + Tiếp tục phát triển thị trường trong nước, tìm kiếm khách hàng xuất khẩu
- + Nhập khẩu trực tiếp một số thuốc thành phẩm để kinh doanh, nhập khẩu ủy thác thuốc cho các công ty khác

3. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị :

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	SỐ CP NĂM GIỮ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Thành Trung	04/12/1972	CHỦ TỊCH HĐQT	Cử nhân QTKD Cử nhân Luật.	18.000	
2	Ông Quảng Văn Viết Cương	23/05/1970	THÀNH VIÊN	Cử nhân cao đẳng sư phạm Cử nhân cao đẳng QTKD	10.000	
3	Giang Quốc Dũng	05/06/1974	THÀNH VIÊN	Thạc sỹ Quản lý kinh tế công	10.000	
4	Ông Trần Thanh Nhường	27/06/1960	THÀNH VIÊN	Dược Sĩ Đại Học, CEO ĐHKH TP.HCM	0	
5	Ông Phan Công Lý	04/02/1963	THÀNH VIÊN	Bác Sĩ CKI Ngoại Niệu	0	

b. Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị : Không có

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị : Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp 2 lần, các thành viên Hội đồng Quản trị có sự thống nhất cao trong các cuộc họp. Hội đồng Quản trị thường xuyên theo sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, cùng tham gia họp giao ban định kỳ với Ban điều hành Công ty

d. Trong Hội đồng Quản trị có 03 thành viên độc lập không điều hành nhưng luôn theo dõi hoạt động của công ty, tham dự họp đầy đủ , đóng góp ý kiến về định hướng, hoạt động của công ty.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị : Không có

f. Danh sách các thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị :

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Thành Trung	04/12/1972	CHỦ TỊCH HĐQT
2	Ông Trần Thanh Nhường	27/06/1960	THÀNH VIÊN

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND	Số CP năm giữ
Ông Trần Thiện Thê	Trưởng Ban Kiểm soát	21/12/1963	280473222 ngày cấp 18/07/2006 tại Công an Bình Dương.	367.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên Ban Kiểm soát	1976	280581681 cấp ngày 06/03/2000 tại Công An Bình Dương	100
Ông Trần Quốc Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát	06/01/1976	280617293 cấp ngày 16/07/2008 tại Công An Bình Dương	0

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát :

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên hoạt động độc lập. Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã họp để triển khai các kế hoạch giám sát hoạt động của Ban điều hành công ty. Kết quả tại các cuộc họp, các thành viên trong Ban kiểm soát đều thống nhất ý kiến.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị : 2.000.000.đồng/người/tháng

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị : 1.700.000.đồng/người/tháng

Thành viên Hội đồng quản trị	: 1.000.000 đồng/người/tháng
Trưởng ban kiểm soát	: 1.000.000 đồng/người/tháng
Thành viên ban kiểm soát	: 500.000 đồng/người/tháng
Thư ký HĐQT	: 500.000 đồng/người/tháng

4.BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32



Công ty Cổ phần Dược Becamex

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

U.371
CÔ
Ổ PH
BECA
CÁ-T-T.1

Công ty Cổ phần Dược Becamex

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Becamex ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700683163, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 12 tháng 2 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và cả loại dược phẩm bào chế khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Đường NA6, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013
Ông Phan Công Lý	Thành viên	
Ông Trần Thanh Nhưường	Thành viên	
Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013
Ông Giang Quốc Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013
Ông Huỳnh Văn Kiều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Thế Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thiện Thế	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013
Ông Trần Quốc Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013
Bà Văn Thị Kim Loan	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Tất Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thanh Nhưường	Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thành Trung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Becamex

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Becamex ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 61087921/16686543

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Becamex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Becamex ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 26 tháng 3 năm 2013 do kiểm toán viên không thể tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại các hiệu thuốc, và không thống nhất việc ghi nhận hàng bán bị trả lại và dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 0048-2013-004-1



Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		184.123.170.211	144.170.461.198
110	I. Tiền	4	2.514.926.430	1.404.328.330
111	1. Tiền		2.514.926.430	1.404.328.330
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		148.701.031.503	111.676.855.385
131	1. Phải thu khách hàng	5	144.344.491.086	105.478.919.351
132	2. Trả trước cho người bán	6	6.001.426.207	6.248.635.582
135	3. Các khoản phải thu khác	7	1.363.900.744	1.492.743.485
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.008.786.534)	(1.543.443.033)
140	III. Hàng tồn kho	8	31.429.441.274	29.469.423.827
141	1. Hàng tồn kho		31.671.716.147	29.698.132.488
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(242.274.873)	(228.708.661)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.477.771.004	1.619.853.656
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		191.506.730	242.799.897
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.286.264.274	1.377.053.759
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.427.488.840	57.422.429.893
220	I. Tài sản cố định		44.808.867.664	55.943.614.474
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	44.712.617.685	49.858.746.043
222	Nguyên giá		70.263.053.136	71.087.730.879
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.550.435.451)	(21.228.984.836)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	96.249.979	6.084.868.431
228	Nguyên giá		319.090.900	6.934.222.500
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(222.840.921)	(849.354.069)
260	II. Tài sản dài hạn khác		6.618.621.176	1.478.815.419
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.563.353.271	1.074.828.187
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		55.267.905	403.987.232
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		235.550.659.051	201.592.891.091



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		183.659.436.563	150.563.575.750
310	I. Nợ ngắn hạn		181.130.001.063	149.337.575.750
311	1. Vay ngắn hạn	13	17.914.747.149	6.399.988.458
312	2. Phải trả người bán	14	153.154.800.857	132.135.798.906
313	3. Người mua trả tiền trước		58.450.214	252.840.002
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.116.127.099	7.280.353.016
315	5. Phải trả người lao động		957.424.783	986.248.377
316	6. Chi phí phải trả	16	340.048.201	226.018.065
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	2.588.251.112	2.056.328.926
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		151.648	-
330	II. Nợ dài hạn		2.529.435.500	1.226.000.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		2.529.435.500	1.226.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	51.891.222.488	51.029.315.341
410	I. Vốn chủ sở hữu		51.891.222.488	51.029.315.341
411	1. Vốn cổ phần		40.400.000.000	40.400.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.937.900.000	4.937.900.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(196.000.000)	(196.000.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.984.897.254	2.707.778.476
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		408.449.083	408.449.083
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.355.976.151	2.771.187.782
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		235.550.659.051	201.592.891.091

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	107	101

Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	87.931.390.387	150.494.443.521
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(367.469.068)	(8.072.587)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	87.563.921.319	150.486.370.934
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20, 22	(64.639.071.787)	(116.621.663.832)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.924.849.532	33.864.707.102
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	17.599.934	76.274.840
22	7. Chi phí tài chính	21	(1.399.559.050)	(2.783.946.009)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.386.787.450)	(2.644.803.824)
24	8. Chi phí bán hàng	22	(4.639.138.705)	(5.599.431.003)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(9.899.467.897)	(8.256.466.646)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.004.283.814	17.301.138.284
31	11. Thu nhập khác		592.323.146	806.776.091
32	12. Chi phí khác		(340.712.121)	(210.269.282)
40	13. Lợi nhuận khác		251.611.025	596.506.809
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		7.255.894.839	17.897.645.093
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(3.896.508.976)	(6.239.093.501)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.3	(348.719.327)	(1.630.211.709)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.010.666.536	10.028.339.883
70	18. Lãi trên mỗi cổ phiếu - Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VNĐ)		749	2.494

Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thanh Trung
Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận trước thuế		7.255.894.839	17.897.645.093
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10, 11	5.261.616.625	5.342.550.473
03	Các khoản dự phòng		1.478.909.713	667.113.790
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	19.2	(653.884)	(1.223.641)
05	Lãi tiền gửi		(16.946.050)	(75.051.199)
06	Chi phí lãi vay	21	1.386.787.450	2.644.803.824
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.365.608.693	26.475.838.340
09	Tăng các khoản phải thu		(38.398.730.134)	(64.404.483.900)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.973.583.659)	5.525.952.698
11	Tăng các khoản phải trả		23.030.408.270	62.560.801.927
12	Giảm chi phí trả trước		621.435.995	163.806.498
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.191.155.480)	(2.644.803.824)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.2	(6.124.493.742)	(3.980.597.778)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.945.214.533
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(138.407.741)	(2.324.122.353)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(8.808.917.798)	23.317.606.141
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	19.2	(185.537.727)	(155.943.545)
27	Tiền lãi nhận được		16.946.050	75.051.199
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(168.591.677)	(80.892.346)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		33.617.567.517	12.222.009.708
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(22.102.808.826)	(41.928.892.518)
36	Cổ tức đã trả		(1.427.305.000)	(36.024.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		10.087.453.691	(29.742.906.810)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		1.109.944.216	(6.506.193.015)
60	Tiền đầu năm		1.404.328.330	7.910.513.704
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối doái quy đổi ngoại tệ		653.884	7.641
70	Tiền cuối năm	4	2.514.926.430	1.404.328.330

Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Becamex ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700683163, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 12 tháng 2 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Đường NA6, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 264 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 237).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp.
Thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	16 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-TNHH Một thành viên vào ngày 5 tháng 12 năm 2006 trong thời hạn 48 năm. Trước ngày 1 tháng 7 năm 2013, khoản tiền thuê đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu trừ trong 48 năm. Kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2013 không còn đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Theo đó, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được phân loại từ khoản mục tài sản cố định vô hình sang khoản mục chi phí trả trước và phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc khi Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

4. TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	68.339.950	126.903.956
Tiền gửi ngân hàng	2.446.586.480	1.277.424.374
TỔNG CỘNG	2.514.926.430	1.404.328.330

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Bên thứ ba	4.541.445.354	7.957.061.576
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	139.803.045.732	97.521.857.775
TỔNG CỘNG	144.344.491.086	105.478.919.351

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ:	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Bên thứ ba	1.426.207	248.635.582
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	6.000.000.000	6.000.000.000
TỔNG CỘNG	6.001.426.207	6.248.635.582

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.353.900.744	1.353.900.744
Bên thứ ba	10.000.000	138.842.741
TỔNG CỘNG	1.363.900.744	1.492.743.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	6.780.459.896	7.832.250.922
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	702.920.778	429.253.423
Thành phẩm	3.332.567.606	5.804.231.001
Hàng hóa	2.709.478.658	2.119.875.654
Hàng gửi đi bán	1.520.347.149	4.746.071.488
Hàng hóa bất động sản	16.625.942.060	8.766.450.000
TỔNG CỘNG	31.671.716.147	29.698.132.488

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	228.708.661	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	242.274.873	228.708.661
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(228.708.661)	-
Số cuối năm	242.274.873	228.708.661

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	791.577.609	759.313.487
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	280.605.936	434.278.564
Khác	214.080.729	183.461.708
TỔNG CỘNG	1.286.264.274	1.377.053.759

Công ty Cổ phần Dược Becamex

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
						VNĐ
Nguyên giá:						
Số đầu năm	36.208.575.694	30.926.810.522	2.724.016.978	392.262.723	836.064.962	71.087.730.879
Mua trong năm	-	-	-	-	185.537.727	185.537.727
Giảm khác (*)	(46.650.000)	(508.105.899)	(35.615.182)	(138.351.568)	(281.492.821)	(1.010.215.470)
Số cuối năm	36.161.925.694	30.418.704.623	2.688.401.796	253.911.155	740.109.868	70.263.053.136
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	525.564.000	246.613.012	417.600.000	194.411.155	38.346.000	1.422.534.167
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	(5.538.165.799)	(13.104.250.806)	(1.808.490.158)	(262.106.830)	(515.971.243)	(21.228.984.836)
Khấu hao trong năm	(1.278.739.176)	(3.280.609.333)	(295.660.340)	(56.008.347)	(150.221.137)	(5.061.238.333)
Giảm khác (*)	46.650.000	367.214.031	35.615.182	89.987.346	200.321.159	739.787.718
Số cuối năm	(6.770.254.975)	(16.017.646.108)	(2.068.535.316)	(228.127.831)	(465.871.221)	(25.550.435.451)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	30.670.409.895	17.822.559.716	915.526.820	130.155.893	320.093.719	49.858.746.043
Số cuối năm	29.391.670.719	14.401.058.515	619.866.480	25.783.324	274.238.647	44.712.617.685
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp	-	17.243.076.337	143.608.547	-	-	17.386.684.884

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	6.615.131.600	319.090.900	6.934.222.500
Giảm khác (*)	(6.615.131.600)	-	(6.615.131.600)
Số cuối năm	-	319.090.900	319.090.900
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	39.090.900	39.090.900
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Số đầu năm	(661.513.152)	(187.840.917)	(849.354.069)
Khấu trừ trong năm	(165.378.288)	(35.000.004)	(200.378.292)
Giảm khác (*)	826.891.440	-	826.891.440
Số cuối năm	-	(222.840.921)	(222.840.921)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	5.953.618.448	131.249.983	6.084.868.431
Số cuối năm	-	96.249.979	96.249.979

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại quyền sử dụng đất không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo hướng dẫn của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước	5.788.240.160	-
Công cụ, dụng cụ	775.113.111	1.074.828.187
TỔNG CỘNG	6.563.353.271	1.074.828.187

13. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	17.914.747.149	6.399.988.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

13. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Số hiệu hợp đồng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
14/2013/HDTD	1.484.080.735	Từ 31/7/2013 đến 30/6/2014	10,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên lô B-8- CN, B-7B-CN tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương; và máy móc
15/2013/HDTD	3.791.542.422	Từ 6/9/2013 đến 6/8/2014	10,5	
16/2013/HDTD	439.652.449	Từ 19/9/2013 đến 11/8/2014	10,5	
17/2013/HDTD	1.138.100.690	Từ 27/9/2013 đến 27/8/2014	10,5	
18/2013/HDTD	253.680.000	Từ 2/10/2013 đến 3/9/2014	10,5	
19/2013/HDTD	800.000.000	Từ 3/10/2013 đến 3/9/2014	10,5	
20/2013/HDTD	429.823.491	Từ 8/10/2013 đến 8/9/2014	10,5	
21/2013/HDTD	191.387.385	Từ 17/10/2013 đến 17/9/2014	10,5	
22/2013/HDTD	752.374.622	Từ 18/10/2013 đến 18/9/2014	10,5	
23/2013/HDTD	1.102.906.875	Từ 28/10/2013 đến 28/9/2014	10,5	
24/2013/HDTD	2.450.331.576	Từ 7/11/2013 đến 7/10/2014	10,5	
25/2013/HDTD	447.366.837	Từ 7/11/2013 đến 7/10/2014	10,5	
26/2013/HDTD	181.761.000	Từ 27/11/2013 đến 27/10/2014	10,5	
27/2013/HDTD	1.343.118.851	Từ 27/11/2013 đến 27/10/2014	10,5	
28/2013/HDTD	406.784.831	Từ 12/12/2013 đến 12/11/2014	10,5	
29/2013/HDTD	257.675.042	Từ 12/12/2013 đến 12/11/2014	10,5	
30/2013/HDTD	2.444.160.343	Từ 18/12/2013 đến 18/11/2014	10,5	
TỔNG CỘNG	17.914.747.149			

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số đầu năm	Số cuối năm VNĐ
Bên thứ ba	3.203.020.090	10.184.716.307
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	149.951.780.767	121.951.082.599
TỔNG CỘNG	153.154.800.857	132.135.798.906

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 23.2)	3.935.808.893	6.163.793.659
Thuế giá trị gia tăng	2.155.744.559	1.097.011.687
Thuế thu nhập cá nhân	24.573.647	19.547.670
TỔNG CỘNG	6.116.127.099	7.280.353.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	195.631.970	-
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	91.000.000	100.000.000
Khác	53.416.231	126.018.065
TỔNG CỘNG	340.048.201	226.018.065

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	2.171.707.000	1.588.812.000
Kinh phí công đoàn	73.324.808	168.962.343
Bảo hiểm xã hội và thất nghiệp	75.295.378	128.338.637
Khác	267.923.926	170.215.946
TỔNG CỘNG	2.588.251.112	2.056.328.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VNE
Số đầu năm								
Số đã trình bày trước đây	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	(4.503.002.929)	43.755.124.630	
Ảnh hưởng của việc trình bày lại	-	-	-	-	-	(2.703.911.913)	(2.703.911.913)	
Đã điều chỉnh lại	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	(7.206.914.842)	41.051.212.717	
Lợi nhuận thuần trong năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)	-	-	-	-	-	10.028.339.883	10.028.339.883	
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(50.237.259)	(50.237.259)	
Số cuối năm	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.771.187.782	51.029.315.341	
Năm nay								
Số đầu năm	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.771.187.782	51.029.315.341	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.010.666.536	3.010.666.536	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(2.010.200.000)	(2.010.200.000)	
Trích lập quỹ	-	-	-	277.118.778	-	(277.118.778)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(138.559.389)	(138.559.389)	
Số cuối năm	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.984.897.254	408.449.083	3.355.976.115	51.891.222.488	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Số cổ phiếu	Số tiền VNĐ	%
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-TNHH Một thành viên	2.060.400	20.604.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	367.000	3.670.000.000	9,08
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	182.600	1.826.000.000	4,52
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	100.000	1.000.000.000	2,48
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	35.400	354.000.000	0,88
Bà Huỳnh Quế Hà	150.000	1.500.000.000	3,71
Bà Huỳnh Thị Nga	45.300	453.000.000	1,12
Các cổ đông khác	1.099.300	10.993.000.000	27,21
TỔNG CỘNG	4.040.000	40.400.000.000	100,00

18.3 Cổ phiếu

	Số đầu năm và số cuối năm	
	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	4.040.000	40.400.000.000
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	4.040.000	40.400.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ		
Cổ phiếu phổ thông	(19.600)	(196.000.000)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.020.400	40.204.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VNĐ Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)
Tổng doanh thu	87.931.390.387	150.494.443.521
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	47.417.217.917	56.267.161.227
Doanh thu bán bất động sản	40.150.230.501	94.092.060.539
Doanh thu cung cấp dịch vụ	363.941.969	135.221.755
Các khoản giảm trừ doanh thu	(367.469.068)	(8.072.587)
Giảm giá hàng bán	(228.597.592)	-
Hàng bán bị trả lại	(138.871.476)	(8.072.587)
Doanh thu thuần	87.563.921.319	150.486.370.934
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng	47.049.748.849	56.259.088.640
Doanh thu thuần bán bất động sản	40.150.230.501	94.092.060.539
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	363.941.969	135.221.755

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lãi tiền gửi	16.946.050	75.051.199
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	653.884	1.223.641
TỔNG CỘNG	17.599.934	76.274.840

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VNĐ Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)
Giá vốn của hàng bán	44.514.100.425	52.591.661.352
Giá vốn của bất động sản	20.052.369.940	64.030.002.480
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	72.601.422	-
TỔNG CỘNG	64.639.071.787	116.621.663.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	1.386.787.450	2.644.803.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.771.600	139.142.185
TỔNG CỘNG	1.399.559.050	2.783.946.009

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)
Giá vốn của bất động sản	20.052.369.940	64.030.002.480
Chi phí nguyên liệu vật liệu	34.798.694.522	44.788.038.316
Chi phí nhân công	10.649.021.809	8.663.713.352
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	5.261.616.625	5.342.550.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.427.374.825	7.191.994.640
Chi phí khác	1.988.600.668	461.262.220
TỔNG CỘNG	79.177.678.389	130.477.561.481

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 25% thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên (năm 2008) kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong sáu (6) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.896.508.976	6.239.093.501
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	348.719.327	1.630.211.709
TỔNG CỘNG	4.245.228.303	7.869.305.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)
Lợi nhuận thuần trước thuế	7.255.894.839	17.897.645.093
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Thay đổi chi phí phải trả	(9.000.000)	330.984.643
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13.566.212	-
Trợ cấp thôi việc	411.435.500	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(7.641)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(15.743.235.573)	(24.719.888.580)
Lỗ tính thuế ước tính năm hiện hành	(8.071.339.022)	(6.491.266.485)
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành cho hoạt động kinh doanh bất động sản	3.935.808.893	6.179.972.145
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu năm trước	(39.299.917)	59.121.356
Thuế TNDN ước tính trong năm	3.896.508.976	6.239.093.501
Thuế TNDN phải trả đầu năm	6.163.793.659	3.905.297.936
Thuế TNDN đã trả trong năm	(6.124.493.742)	(3.980.597.778)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.935.808.893	6.163.793.659

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán		Ghi thu nhập (chi phí) trong kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	10.010.000	403.987.232	(393.977.232)	-
Trợ cấp thôi việc	45.257.905	-	45.257.905	-
Lỗ tính thuế	-	-	-	(1.630.211.709)
	55.267.905	403.987.232		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			(348.719.327)	(1.630.211.709)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Giá trị</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Bán hàng hóa Mua dịch vụ Mua bất động sản	299.489.131 43.198.133 27.911.862.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Bên liên quan	Bán bất động sản Mua dịch vụ	40.150.230.501 66.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua dịch vụ	3.277.928.836 886.986.702
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	297.900.000

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Phải thu (Phải trả)</i>
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Bên liên quan	Bán bất động sản	138.561.138.551
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Bên liên quan	Bán hàng hóa	822.110.414
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	299.489.131
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Bên liên quan	Bán hàng hóa	120.307.636
			139.803.045.732
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Bên liên quan	Tạm ứng	6.000.000.000
Phải thu khác			
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Chi hộ	1.353.900.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Phải thu (Phải trả)
Phải trả người bán			
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Mua bất động sản	133.027.932.400
		Mua thiết bị	15.639.305.099
		Khác	5.946.168
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Bên liên quan	Mua dịch vụ	921.729.100
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Bên liên quan	Mua dịch vụ	158.868.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Bên liên quan	Mua dịch vụ	198.000.000
			149.951.780.767
Phải trả khác			
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Cổ tức	1.030.200.000

25. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU CỦA CÁC NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Giám đốc đã quyết định điều chỉnh báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước đối với hàng bán bị trả lại số tiền là 5.064.560.113 VNĐ và giá vốn hàng bán tương ứng số tiền là 2.360.648.200 VNĐ liên quan đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Chi tiết được trình bày như sau.

	Số đã trình bày trước đây	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản giảm trừ (hàng bán bị trả lại)	(5.072.632.700)	5.064.560.113	(8.072.587)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(114.261.015.632)	(2.360.648.200)	(116.621.663.832)
Lợi nhuận trước thuế	15.193.733.180	2.703.911.913	17.897.645.093
Lợi nhuận sau thuế	7.324.427.970	2.703.911.913	10.028.339.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

			VNĐ
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2013			
Vay ngắn hạn	17.914.747.149	-	17.914.747.149
Phải trả người bán	153.154.800.857	-	153.154.800.857
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.928.299.313	2.118.000.000	5.046.299.313
	173.997.847.319	2.118.000.000	176.115.847.319
31 tháng 12 năm 2012			
Vay	6.399.988.458	-	6.399.988.458
Phải trả người bán	132.135.798.906	-	132.135.798.906
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.282.346.991	1.226.000.000	3.508.346.991
	140.818.134.355	1.226.000.000	142.044.134.355

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Dược Becamex

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Phải thu khách hàng	144.344.491.086	(1.654.885.790)	105.478.919.351	(1.543.443.033)	142.689.605.296	103.935.476.318
Phải thu khác	1.363.900.744	(1.353.900.744)	1.492.743.485	-	10.000.000	1.492.743.485
Tiền	2.514.926.430	-	1.404.328.330	-	2.514.926.430	1.404.328.330
Tổng cộng	148.223.318.260	(3.008.786.534)	108.375.991.166	(1.543.443.033)	145.214.531.726	106.832.548.133
					VNĐ	
Nợ phải trả tài chính						
Vay ngắn hạn						
Phải trả người bán	17.914.747.149		6.399.988.458		17.914.747.149	6.399.988.458
Phải trả khác và chi phí phải trả	153.154.800.857		132.135.798.906		153.154.800.857	132.135.798.906
	5.046.299.313		3.508.346.991		5.046.299.313	3.508.346.991
Tổng cộng	176.115.847.319		142.044.134.355		176.115.847.319	142.044.134.355
					VNĐ	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và quyết định lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên là tương đương với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng



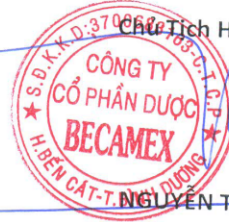
Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch



Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Bình Dương, ngày 18 tháng 04 năm 2014

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



NGUYỄN THÀNH TRUNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

55

